



IT日本語(1)

9回目:求人票の見方(Tiếng Việt)

授業の流れ

1. 求人票の見方^{きゅうじんひょう み かた}

- 企業概要^{きぎょうがいよう}

- 募集内容^{ぼしゅうないよう}

- 待遇面^{たいぐうめん}

- 給与に関して^{きゅうよ かん}

- 家賃補助^{やちんほじょ}

会社を決める上で正しく求人内容を確認できるようになりました

今日の授業に関して

1. 授業の目的と目標を説明 -日本語-
2. 求人票の見方 -ベトナム語-
3. 給与に関して -ベトナム語-
4. 練習 -日本語-
5. 家賃補助に関して -ベトナム語-
6. 練習 -日本語-

ベトナム語での説明に関しては特別講師にお願いしています

目的と目標の確認

授業の目的と目標

この授業の目的:

- ☑ 求人票を理解することができる

この授業の目標:

- ☑ 求人票の目的を理解できる
- ☑ 求人票を正しく読むことができる

求人票の見方

求人とは

きゅうじん 求人とは会社が働く人を募集すること

日本では仕事を探す場合、一般的に以下のような方法がある

- ・求人媒体ばいたい
- ・人材紹介会社じんざい
- ・ハローワーク
- ・人脈じんみゃく

働く上では給与などの条件じょうけんが書かれた「求人票」を確認する必要があります。

求人票とは

きゅうじんひょう
求人票は、求人をするときに労働条件を明示した書類のこと
ろうどうじょうけん めいじ しよるい
求人票への明示しなければならない項目は下記の6つ
こうもく

しよくむないよう
1.職務内容

さいようじき
2.採用時期

きんむち
3.勤務地

きんむじかん しょうていうどうじかん こ うむ きゅうけいじかん きゅうじつ
4.勤務時間、所定労働時間を超える労働の有無、休憩時間および休日

ねんしゅう
5.年収および給与

けんこうほけん こうせいねんきん ろうさい こよう てきよう
6.健康保険、厚生年金、労災保険、雇用保険の適用に関する情報

求人票とは

働きたい会社の求人票をしっかりと確認できるようにしましょう。
特に給与に関してはさまざまは表記やルールがあります。

- げっきゅうせい ねんぽう
・ 月給制と年俸制
- ・ 通常の残業とみなし残業
- ・ 家賃補助
- など

求人票

※一記入必須項目

企業概要						
求人票の国	日本語	JFEシステムズ株式会社				
	英語	JFE Systems,INC.				
本社住所	茨城県田沼区大平四丁目1番3号 オリナスタワー17階			設立年	9/1	
法人代表者	役職	代表取締役社長	氏名	西崎 宏	ベトナム人採用	有り
募集内容	■情報システムの企画、設計、開発、運用・保守など ビジネスシステムインテグレーション、プロダクトベース・ソリューション、インフラソリューションを事業の柱としています。これらソリューションを日本の製造、金融、食料など様々な業界向けに提供し、日本の一流企業のビジネスを支えています。					
社内で扱うプログラミング言語	JAVA、C、C++、COBOL、PL/I			勤務時間※	8:00	
				勤務時間※	7時～	
アピールポイント	JFEスチール(日本で2番目に大きな鉄鋼メーカー)の情報システム部門がスピンオフして設立された会社です。JFEスチールのシステム開発で培った、企業の様々な課題の解決や成長の推進に役立つソリューションを、日本を代表する数多くの企業に提供しています。企業内はアプリケーション開発、プロダクト開発、ERP導入、インフラ構築等、幅広く事業を展開しており、ITコンサルタント、プロジェクトマネージャーなど多様なキャリアを築くことが可能です。					
その他	当社が開発したシステムを利用している会社「JFE-STEEL JFEスチール」、TOYOTA(トヨタ自動車)、HONDA(ホンダ)、AJIUNOMOTO (味の素) など					
募集内容						
募集職種※	システムエンジニア			採用予定人数※	2人	

求人票の見方の流れ

1. 企業概要
2. 募集内容
3. 待遇面

Khái quát về doanh nghiệp

企業概要						
採用法人名※	日本語	JFEシステムズ株式会社				
	英語	JFE Systems,INC.				
本社住所※	東京都墨田区太平四丁目1番3号 オリナスタワー17階				設立※	9/1/1983
法人代表者※	役職	代表取締役社長	氏名	西崎 宏	ベトナム法人※	有り 無し
業務内容※	■情報システムの企画、設計、開発、運用・保守など ビジネスシステムインテグレーション、プロダクトベース・ソリューション、インフラソリューションを事業の柱としています。これらを組み合わせたトータルソリューションを日本の製造、金融、食品など様々な業界向けに提供し、日本の一流企業のビジネスを支えています。					
社内での使用 プログラミング言語※	JAVA, C, C++, COBOL, PL/I				勤務時間※	9:00 ~ 17:30
					実働時間※	7時間45分/日
アピールポイント	J F E スチール(日本で2番目に大きな鉄鋼メーカー)の情報システム部門がスピンオフして設立された会社です。JFEスチールのシステム開発で培った企画力、技術力をもとに、企業の様々な課題の解決や将来の成長に役立つソリューションを、日本を代表する数多くの企業に提供しています。 企業向けアプリケーション開発、プロダクト開発、ERP導入、インフラ構築等、幅広く事業を展開しており、ITコンサルタント、プロジェクトマネージャ、ITスペシャリストなど多様なキャリアを積むことが可能です。					
その他	当社が開発したシステムを利用している会社：JFE-STEEL(JFEスチール)、TOYOTA(トヨタ自動車)、HONDA(ホンダ)、AJINOMOTO (味の素) など					

- Tên đơn vị tuyển dụng: Tên công ty
- Trụ sở chính: Địa chỉ của trụ sở chính
- ※Có thể không phải là địa điểm làm việc.
- Tên người đại diện về mặt pháp lý: Giám đốc công ty
- Ngày thành lập: Ngày thành lập công ty
- Đại diện tại Việt Nam: Có công ty ở Việt Nam hay không
- Ngôn ngữ lập trình được sử dụng trong công ty:Ngôn ngữ thực tế đang được sử dụng trong công ty.

- Lĩnh vực hoạt động: Những lĩnh vực mà công ty hoạt động
- Thời gian làm việc: Thời gian làm việc thực tế
- ※Bao gồm nghỉ giải lao
- Thời gian làm việc thực tế: Thời gian làm việc – Thời gian nghỉ
- Điểm hấp dẫn: Đặc trưng, điểm mạnh của công ty
- Khác: Thông tin chứng khoán, thông tin về các công ty liên quan...

Nội dung

募集内容							
募集職種※	システムエンジニア				採用予定人数※	2～3名	
勤務地※	東京、幕張、千葉、川崎、豊田、半田、神戸、倉敷、福山 (本人希望や職務適性等を総合的に判断し決定)				性別	男性	女性 不問
採用対象学生※	2018年度卒業予定		201×年度卒業予定		既卒		不問
募集理由※	高い能力とスキルを持ち、当社の将来を支える人材を求めています。 J F E グループのベトナムでの事業拡大に伴い、将来、日本とベトナムの架け橋として活躍いただく可能性もあります。						
求める日本語能力※	N1	N2以上	N3以上	不問	求める英語能力※	TOEIC (点以上) 不問	
職務内容※	システム開発および保守業務						
求める人物像※	明るく前向きで、人とのコミュニケーションが苦手でない人。						

Loại hình công việc: Vị trí cần tuyển lần này

Nơi làm việc: Địa điểm làm việc thực tế

Đối tượng: Điều kiện đối với sinh viên

Lí do: Lí do tuyển dụng

Yêu cầu năng lực tiếng Nhật: Năng lực tiếng Nhật yêu cầu tại thời điểm vào công ty

Mong muốn: Tính cách của nhân viên mà công ty mong muốn/hướng đến

Dự kiến số lượng tuyển dụng: Số lượng người được tuyển dụng lần này

Giới tính

Yêu cầu năng lực tiếng Anh: Năng lực tiếng Anh yêu cầu tại thời điểm vào công ty

Nội dung công việc: Nội dung công việc sau khi vào công ty

Chế độ đãi ngộ

待遇面													
社会保険※	健康保険		労災保険		雇用保険		厚生年金		休日等※	休日	土日	祝日	
	その他									有給休暇	20日/年（初年度）		
	退職金制度（勤続 5 年以上）				通勤手当（ 4 万円まで）					年間休日数	122日		
福利厚生※	住居 手当	敷金、礼金、保証金				家賃全額支給				年収例※	年額実績 （大卒）	386万円	
		一部支給（ 3 万円/月）				家賃支給なし					月額 （大卒）	23万円(みなし残業30時間含む)	
	ほか 手当等	財形貯蓄、住宅融資、従業員持株会、育児・介護休業など その他／外部福利厚生サービス会社と提携し、様々なサービスを優遇利用可									賞与	2回/年(2.4ヵ月分×2回)	
											昇給	1回/年	

Bảo hiểm xã hội: Chế độ bảo hiểm được tham gia ở công ty ※**Bắt buộc**

Phúc lợi y tế:

- Chế độ trợ cấp nghỉ việc:Số tiền trợ cấp nhận được khi nghỉ việc
- Trợ cấp đi lại:Chi phí đi lại khi đi làm
- Trợ cấp nhà ở:Chi phí nhà ở mà công ty hỗ trợ

※Các chế độ phúc lợi trên không bao gồm trong lương

Chế độ trợ cấp khác: Những chế độ trợ cấp đặc biệt theo từng công ty

Ngày nghỉ:

- Ngày nghỉ:Ngày nghỉ của công ty
- Ngày nghỉ có lương:Có thể xin nghỉ ngoài những ngày nghỉ của công ty
 ※**Ngày nghỉ có lương**
- Số ngày nghỉ trong năm:Số ngày nghỉ trong 1 năm do công ty chỉ định

Thu nhập năm:

- Thu nhập năm:Toàn bộ tiền lương nhận được trong 1 năm
- Lương tháng:Tiền lương trong 1 tháng
- Thưởng:Số tiền được thưởng (ngoài tiền lương)
- Tăng lương:Số lần đánh giá tăng lương trong 1 năm

給与に関して

よくある表記

1. 月給制と年俸制
2. 固定賞与と業績賞与
3. 通常残業とみなし残業



Chế độ lương theo tháng và chế độ lương theo năm

Chế độ lương theo tháng • • • Lương tính theo đơn vị tháng, có thêm trợ cấp nhất định

Dựa vào tuổi tác cũng như số năm làm việc liên tục của nhân viên mà sẽ có chế độ thưởng mùa hè, mùa đông cho nhân viên dựa theo lợi nhuận của công ty cũng như thành tích làm việc của người đó. Cuối cùng sẽ tính ra lương theo năm.

Chế độ lương theo năm • • • Quyết định tiền lương theo đơn vị năm

Đây là hình thức tính lương dựa trên thành tích thực tế, không có nghĩa là lương được trả 1 lần/ năm. Hầu hết đều là chia ra và trả trong 12 tháng.

Chế độ lương theo tháng và chế độ lương theo năm

Có thể là thu nhập hàng năm giống nhau nhưng tiền lương nhận về mỗi tháng lại khác nhau nên cần chú ý.

Chế độ lương theo tháng: Thu nhập năm

= Lương tháng x 12 tháng + thưởng

Chế độ lương theo năm: Thu nhập năm

= Lương tháng x 12 tháng

Ex) Trường hợp có ghi là thu nhập năm là 300万

Chế độ lương theo tháng: Thu nhập năm 300万

= **Lương tháng 20万** x 12 tháng + thưởng 60万(3 tháng lương)

Chế độ lương theo năm: Thu nhập năm 300万 = **Lương tháng 25万** x 12 tháng

Thưởng cố định và thưởng theo thành tích



Thưởng cố định . . . Tiền được thưởng (ngoài lương tháng)

Thông thường sẽ tính bằng 「n tháng lương cơ bản」

Thưởng theo thành tích . . . Tùy theo tình hình kinh doanh của doanh nghiệp/bộ phận cũng như thành tích của bản thân mà số tiền thưởng sẽ thay đổi

Vì tùy công ty sẽ khác nhau nên cần tham khảo tình hình kinh doanh các năm trước

Thưởng cố định và thưởng theo thành tích

Tùy công ty,

- Công ty có chế độ thưởng cố định
- Công ty có chế độ thưởng theo thành tích
 - Thưởng cố định: Thu nhập năm = Lương tháng x 12 tháng + thưởng n tháng lương
 - Thưởng theo thành tích: Thu nhập năm = Lương tháng x 12 tháng + thưởng 0~n tháng lương

Cũng có công ty ngoài thưởng cố định vẫn có thêm thưởng theo thành tích.

Làm thêm thông thường và làm thêm đã bao gồm trong lương

Làm thêm thông thường

Sẽ trả lương làm thêm cho phần thời gian làm vượt quá thời gian đã được qui định. Tuy tiền lương hàng tháng (đang ghi trên thông báo tuyển dụng) thấp nhưng trên thực tế còn thêm cả tiền lương làm thêm nữa nên thu nhập năm có thể sẽ cao hơn con số đang ghi trên đó. Cần xác nhận xem trên thực tế làm thêm nhiều hay ít.

Làm thêm đã bao gồm trong lương

Tiền lương mỗi tháng đã bao gồm lương làm thêm cho 1 khoảng thời gian nhất định. Nếu làm thêm vượt quá thời gian nói trên thì mới được trả thêm tiền làm thêm.



Làm thêm thông thường và làm thêm đã bao gồm trong lương

Nếu “Tiền lương làm thêm thông thường” cao thì có thể tiền lương nhận được trên thực tế sẽ cao hơn so với chế độ làm thêm đã bao gồm trong lương.

So sánh 2 trường hợp sau:

「Lương tháng 20万 và làm thêm 40h」 và

「Lương tháng 25万 đã bao gồm 40h làm thêm」

- **Làm thêm thông thường: Tiền lương nhận về = 26.25万**
= Lương tháng 20万 + Tiền làm thêm 6.25万
- **Làm thêm đã bao gồm trong lương: Tiền lương nhận về = 25万**

Đa số những công ty tuyển dụng theo chế độ làm thêm đã bao gồm trong lương trên thực tế phải làm thêm nhiều hơn số giờ bao gồm trong đó !

練習

練習

Q.次のAとBの月額をそれぞれ計算しなさい

A

年収	年額	360万円(月給制)
	月額	???万円
	賞与	2回/年(2月×2回)
	昇給	1回/年

B

年収	年額	360万円(年俸制)
	月額	???万円
	賞与	-
	昇給	1回/年

練習

Q.次のAとBのうち、年額が高くなるのはどちらでしょう
うか？

A

年収	年額	???万円
	月額	25万円
	賞与	1回/年(2月×1回)
	昇給	1回/年

B

年収	年額	???万円
	月額	22万円
	賞与	2回/年(2.4月×2回)
	昇給	1回/年

練習

Q.A社では月額25万(みなし残業30時間)になっている。

また月の平均^{へいきんざんぎょうじかん}残業時間は29時間である。

B社は月額20万になっており、

月の平均残業時間が27時間である。

B社では1時間の残業につき2,500円が支払われる。

いずれの会社も賞与は1回(2ヶ月×1回)である。

A社とB社での「**それぞれの1年間の残業時間**」と
「**どちら会社の年額がどれだけ高くなる**」か計算せよ。

考えてみよう①

Q.ボーナスは、固定賞与と業績賞与のどちらがよいか？

A.固定賞与

B.業績賞与



考えてみよう②

Q.通常の残業とみなし残業のどちらがよいか？

A.通常の残業

B.みなし残業



Hỗ trợ nhà ở

Khấu trừ lương và trợ cấp tiền nhà



Khấu trừ lương . . . Công ty kí hợp đồng nhà đất, công ty sẽ khấu trừ 1 phần từ tiền lương hàng tháng của nhân viên

Trợ cấp tiền nhà . . . Nhân viên tự kí hợp đồng, công ty sẽ trả khoản trợ cấp này cùng với tiền lương hàng tháng của nhân viên. Nhân viên sẽ tự đảm nhận phần còn thiếu.

Có trường hợp công ty kí hợp đồng nhà đất và có trường hợp tự nhân viên kí nên cần lưu ý điểm này

Khấu trừ lương và trợ cấp tiền nhà

Ví dụ: Trong trường hợp lương tháng là 25万, thuê 1 căn nhà trị giá 10万 và khoản khấu trừ lương và trợ cấp tiền nhà đều là 3万

Khấu trừ lương: Tiền lương được nhận = 22万 = 25万 - 3万

Trợ cấp tiền nhà: Tiền lương được nhận = 28万 = 25万 + 3万

Tuy nhiên, sau khi nhận trợ cấp tiền nhà thì phần 7万 còn thiếu cũng sẽ do bản thân tự thanh toán nên thực tế tiền lương sẽ là 18万 = 25万 + 3万 - 10万

練習

練習

Q.東京で家賃が月7万円の家に住むことになりました。AとBのうち、^{じっしつ}実質負担が多くなるのはどちらでしょうか？

A

福利厚生	住居手当	敷金、礼金、保証金	家賃全額支給
		給与控除（ 3 万円/月）	家賃支給なし

B

福利厚生	住居手当	敷金、礼金、保証金	家賃全額支給
		一部手当（ 3 万円/月）	家賃支給なし

まとめ

本日の授業では

- ・求人票の見方

を勉強しました。

次回、最初に**確認の小テスト**をやります。

きちんと、「言葉の意味」と「計算の方法」を
復習してください

The background of the slide is a composite image. It features Mount Fuji in the distance, its peak partially covered in snow and surrounded by soft, white clouds. In the foreground, there are dense, vibrant pink cherry blossom trees. To the right, a portion of a traditional Japanese temple with multiple tiers of dark green tiled roofs and red wooden railings is visible. The entire scene is set against a clear blue sky.

お知らせ

キャリアセンターからのお知らせ

HEDSPIの学生向けに、日本就職のためのキャリアカウンセリングを実施しています。

Thời gian: 8:00 ~ 16:00 thứ 2,3,4,6

Địa điểm: Phòng 807 thư viện Tạ Quang Bửu

Địa chỉ liên hệ:

☑ Facebook: **Pham Gia**

☑ mail: career-center@soict.hust.edu.vn

Các bạn có thể đến văn phòng để được tư vấn trực tiếp hoặc hẹn lịch trước theo địa chỉ trên ♪ ♪ ♪

The background of the slide features a scenic view of Mount Fuji under a clear blue sky with scattered white clouds. In the foreground, there are lush pink cherry blossom trees. On the right side, a portion of a traditional Japanese temple with a dark, multi-tiered roof is visible.

今日の授業は終わりです
来週も元気出会いましょう！

Hẹn gặp lại vào tuần tới